



BÀ RỊA - VŨNG TÀU:

Tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về biển, phát triển bền vững kinh tế biển

ThS. NGUYỄN THANH ĐIỀN

Phó Trưởng phòng Quản lý tài nguyên, Sở NN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bà Rịa - Vũng Tàu đang đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế biển để trở thành Trung tâm kinh tế biển quốc gia. Quan điểm phát triển này phù hợp với tinh thần của các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể: Nghị quyết Đại hội lần thứ 13 của Đảng và Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đảm bảo quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam bộ và quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo đó, tỉnh sẽ xây dựng ngành kinh tế biển phát triển chất lượng, hiệu quả, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững; phát triển khoa học công nghệ biển, nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng các tiến bộ công nghệ trong các ngành kinh tế biển; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên biển; kết hợp giữa phát triển, phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa biển; tích cực chủ động và đi tiên phong trong các sáng kiến và hành động thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH), nước biển dâng; ngăn chặn và loại bỏ các nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển; phục hồi, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo.

1. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐẢO TỈNH Bà RỊA - VŨNG TÀU

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm ven biển Đông Nam bộ, phía Bắc giáp Đồng Nai, phía Tây giáp TP. Hồ Chí Minh, phía Đông giáp Bình Thuận, phía Nam, Tây Nam và Đông Nam đều giáp Biển Đông. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 1.982,56 km², dân số 1.167.938 người, mật độ 589 người/km². Tỉnh có tuyến biên giới biển đảo, với 26 xã, phường, thị trấn ven biển, bờ biển dài khoảng 130,7 km (chưa tính bờ biển huyện Côn Đảo); diện tích thêm lục địa rộng gần 100.000 km², vùng biển rộng lớn, nguồn tài nguyên chủ yếu là dầu khí, hải sản... Bên cạnh đó, tỉnh

nằm trên trục đường Xuyên Á, có hệ thống cảng biển, sân bay và mạng lưới đường sông thuận lợi. Các tuyến QL51, QL55, QL56 cùng với hệ thống giao thông được quy hoạch phát triển đang được đầu tư như: Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; đường vành đai 4; đường sắt kết nối TP. Hồ Chí Minh với Bà Rịa - Vũng Tàu... tạo những liên kết toàn diện giữa Bà Rịa - Vũng Tàu với các tỉnh khác trong vùng, cả nước và quốc tế.

Phía Tây của tỉnh có vịnh Gành Rái rộng khoảng 50 km², có tiềm năng to lớn để có thể xây dựng một hệ thống cảng biển nước sâu. Theo Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021, cảng biển Vũng Tàu được xếp vào loại đặc biệt, trong đó Khu bến cảng Cái Mép có chức năng là cảng cửa ngõ, trung chuyển quốc tế; có bến container, tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí.

Trong các đơn vị hành chính thuộc tỉnh, có huyện đảo Côn Đảo là quần đảo gồm 16 hòn đảo nằm cách Vũng Tàu 185 km, cách TP. Hồ Chí Minh 230 km và cách cửa sông Hậu 83 km, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh, chủ quyền biển. Đồng thời, Côn Đảo cũng là nơi có tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế, đặc biệt là các ngành dịch vụ du lịch, khai thác, nuôi trồng hải sản, tại đây còn có khu rừng nguyên sinh là Vườn Quốc gia (VQG) Côn Đảo.

2. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Thời gian qua, tỉnh luôn chú trọng và quyết liệt về công tác giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, phát triển kinh tế biển dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và BVMT.

Về xây dựng chính sách pháp luật: Tỉnh đã tích cực tham gia với Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) xây dựng Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cũng như các văn bản kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đồng thời, tỉnh cũng ban hành Quy chế quản lý hành lang bảo vệ



bờ biển nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý tài nguyên và BVMT vùng bờ của tỉnh.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện mục tiêu chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo như: Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ; Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược “Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương... để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

Quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo:

(i) *Các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển* đã được tỉnh tổ chức để hoàn thành công tác Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo, xây dựng cơ sở dữ liệu biển và hải đảo trên địa bàn. Bên cạnh đó, các sở, ngành tích cực phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển tại ngoài khơi vùng biển của tỉnh.

Triển khai các quy hoạch biển, tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng phương án sử dụng biển và vùng bờ để tích hợp vào trong Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 16/12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua đó, phương án sử dụng mặt nước ven biển của tỉnh được xác định phân bổ theo các tiêu chí phân vùng sử dụng cho mục đích: quốc phòng, an ninh; các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn sinh cảnh, dự trữ sinh quyển; phát triển các ngành kinh tế biển: du lịch biển, khu vực cảng và dịch vụ cảng đã được quy hoạch; các vùng ngư trường khai thác hải sản; nuôi trồng thủy sản; khu vực phát triển các nguồn năng lượng tái tạo; vùng khai thác dầu khí và khoáng sản biển; xây dựng khu công nghiệp ven biển; phát triển đô thị ven biển...

Tiếp đó, ngày 28/6/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, phân vùng sử dụng không gian biển trên địa bàn tỉnh dành cho ưu tiên các hoạt động cảng biển, dịch vụ logistics, khai thác dầu khí, hóa dầu, du lịch biển, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, phát triển điện gió. Đặc biệt, Quy hoạch xác định huyện Côn Đảo phát triển mạnh du lịch và dịch vụ chất lượng cao; xây dựng đảo trở thành đô thị sinh thái biển đặc

sắc có tầm cỡ khu vực và quốc tế với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trong đó sớm mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo; bảo vệ, bảo tồn, gìn giữ các di tích lịch sử, giá trị văn hóa, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học biển với trung tâm là VQG Côn Đảo.

(ii) *Quản lý tổng hợp vùng bờ* đã được tỉnh chủ động triển khai hoàn thành các Dự án thuộc Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2016-2020. Đặc biệt, tích cực thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp vùng bờ như thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, xây dựng cơ sở dữ liệu biển đảo, lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo.

Ngoài ra, tỉnh còn phối hợp với Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Liên danh tư vấn Hàn Quốc triển khai thí điểm về Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thuộc Hợp phần 3, Dự án Thiết lập nền tảng cho quản lý tổng hợp vùng bờ tại một số tỉnh ven biển Việt Nam) vốn ODA viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc.

(iii) *Giao khu vực biển*: Tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định giao khu vực biển cho 7 tổ chức, cá nhân, với tổng diện tích 1.303,74 ha để khai thác tài nguyên biển.

(iv) *Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển*: Cơ bản hoàn thành thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn với việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; ban hành quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; hoàn thành việc cắm 95 mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển của 27 khu vực thiết lập hành lang bảo vệ.

(v) *Cấp phép nhận chìm ở biển*: Quy hoạch khu đổ bùn ở biển Khu A ngoài khơi Vũng Tàu. Đến nay đã tiếp nhận được khoảng 45,513 triệu m³ chất nạo vét, khả năng tiếp nhận còn lại khoảng 24,487 triệu m³.

(vi) *Ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển*: Ủy Ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh để triển khai thực hiện; Tỉnh đã phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, thuộc thẩm quyền được 278 kế hoạch (21 cửa hàng dầu neo đậu cố định trên sông, ven biển; 18 cảng các loại; 238 cửa hàng xăng, dầu trên bờ). Riêng năm 2024 đã thẩm định và tham mưu phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho 26 cơ sở.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, đơn vị sau khi được phê duyệt; tổ chức giám sát chặt chẽ các hoạt động bơm dầu và vận chuyển dầu trên sông, trên biển, sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

Ngoài ra, tỉnh yêu cầu các doanh nghiệp có hoạt



động hóa chất trên địa bàn thường xuyên thực tập, diễn tập ứng phó sự cố hóa chất như: Tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam; Công ty TNHH Hoá chất Hyosung Vina; Nhà máy xử lý khí Dinh Cố.

(vii) *Kiểm soát rác thải nhựa đại dương*: Triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh.

(viii) *Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về biển đảo*: Xác định thông tin, tuyên truyền toàn diện các vấn đề liên quan đến biển, đảo là nhiệm vụ thường xuyên, các sở, ngành và địa phương tích cực tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về vai trò quan trọng của biển và đại dương, chính sách, pháp luật của nhà nước về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy hành động của chính quyền các cấp, người dân và doanh nghiệp tích cực thực hiện khai thác bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn.

(ix) *Phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao*: Xác định phát triển khoa học và ứng dụng công nghệ là chìa khóa để quản lý hiệu quả tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, tỉnh đã và đang triển khai thực hiện: “Dự án đầu tư Khu khoa học và công nghệ biển tại thành phố Vũng Tàu”; “Đánh giá hiện trạng quần thể Dugong (Dugong dugon) và hệ sinh thái cỏ biển tại Côn Đảo, đề xuất giải pháp quản lý và bảo tồn”, “Nghiên cứu, xây dựng thí điểm Hệ thống phao tiêu di chuyển tự động theo thủy triều khoanh vùng an toàn bãi tắm”; “Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hiệu quả, bền vững nhằm khắc phục hiện tượng bồi lấp các cửa sông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”; “Nghiên cứu đánh giá và thí điểm hệ thống thu gom rác trôi dạt vào bờ biển thành phố Vũng Tàu”; “Ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát rác thải đại dương và xây dựng hệ thống thu gom xa bờ cho vùng biển huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”.

(x) *Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo*: Ký thỏa thuận quốc tế về phát triển khu khoa học và công nghệ biển (Biên bản thỏa thuận với Vùng Đô thị Đại dương Brest, Pháp); phối hợp với Viện Hải dương học Brest (Pháp) và chính quyền Vùng Đô thị Đại dương Brest Metropole triển khai xây dựng kế hoạch hợp tác tư vấn, đào tạo, chuyển giao các đối tượng nuôi và kỹ thuật chăm sóc, quản lý, xây dựng bộ mẫu sinh vật biển chuẩn bị cho giai đoạn vận hành Dự án Khu Khoa học và công nghệ biển; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, đối tác Hàn Quốc triển

khai Dự án Thiết lập nền tảng cho quản lý tổng hợp vùng bờ tại một số tỉnh ven biển Việt Nam.

(xi) *Thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường biển và hải đảo*: Kiểm tra thực địa mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn; thành lập đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Các lực lượng thực thi pháp luật trên biển đã thường xuyên tuần tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh. Kết quả qua tuần tra, kiểm tra không phát hiện vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trong phạm vi diện tích được giao quản lý trên địa bàn huyện.

3. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Xây dựng và triển khai cơ chế điều phối: Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; thành lập 6 tổ để xây dựng các Đề án thực hiện Nghị quyết số 24- NQ/TW, ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Nghị quyết số 154/NQ-CP, ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW.

Phát triển kinh tế hàng hải: Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung Quy hoạch Bến tàu khách quốc tế Vũng Tàu vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai các kết cấu hạ tầng giao thông kết nối; kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải sớm thực hiện nạo vét luồng Vũng Tàu - Thị Vải đoạn từ phao số “0” vào cảng Cái Mép để tiếp nhận tàu có tải trọng lớn ra vào thuận lợi, an toàn.

Phát triển kinh tế thủy sản: Tập trung đầu tư hoàn thành các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Sông Dinh, Côn Đảo, Bến Lội - Bình Châu, Lộc An; nâng cấp hệ thống giám sát tàu cá của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nâng cấp cảng cá và dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt thủy sản; ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện.

Hoàn thành công tác giải tỏa các bè nuôi thủy sản trái phép trên địa bàn tỉnh, tổng số cơ sở lồng bè nằm ngoài vùng quy hoạch được di dời, giải tỏa là 273 cơ sở; hoàn thành lắp đặt phao cắm mốc nhận dạng vùng mở rộng nuôi trồng thủy sản lồng bè, nuôi nhuyễn thể hai



mảnh vỏ trên sông; đã cấp 263 giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè và 19 giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản cho đối tượng chủ lực; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng các đề án, quy chế và kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn Luật Thủy sản và quán triệt các văn bản chỉ đạo của cấp trên thuộc lĩnh vực ngành quản lý đến các ngư dân trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1664/QĐ-TTg, ngày 4/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh”; phê duyệt 4 vùng Quy hoạch nuôi trồng thủy sản lồng bè và nhuyển thể hai mảnh vỏ.

Để phát triển bền vững ngành nuôi trồng thủy hải sản, tỉnh còn tổ chức hoạt động thả cá giống, tôm giống về biển nhằm tái tạo, khôi phục, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên, tăng mật độ quần thể các giống loài thủy sản.

Phát triển du lịch và dịch vụ biển: Hiện toàn tỉnh có 1.489 cơ sở lưu trú du lịch và 44 đơn vị lữ hành đang hoạt động; các loại hình và sản phẩm du lịch được phát triển đa dạng như nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch homestay, du lịch thể thao biển, tham quan các di tích, danh thắng, du lịch hội thảo, du lịch sinh thái...

Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả trong định hướng phát triển các ngành điện, dầu khí, năng lượng tái tạo. Hiện nay, tỉnh đang tích cực phối hợp các cơ quan Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư xây dựng sớm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng công trình đường dây trên không kết hợp cáp ngầm cấp điện áp 110kV để cấp điện cho huyện Côn Đảo bằng nguồn điện quốc gia.

Phát triển các cơ sở công nghiệp ven biển: Tập trung hỗ trợ các dự án công nghiệp lớn đưa vào hoạt động, cụ thể: Hỗ trợ triển khai, hoàn thành đưa vào hoạt động dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam tại Long Sơn, Nhà máy sản xuất hạt nhựa PP và kho ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) của Công ty TNHH Hyosung Việt Nam; tổ chức triển khai Dự án Trung tâm Logistics Cái Mép Hạ và công nhận Trung tâm Logistics Cái Mép Hạ là Trung tâm Logistics hạng I thuộc vùng Đông Nam bộ; phát triển hợp lý các ngành dịch vụ, logistics, lọc hóa dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ...

4. MỘT SỐ KHÓ KHĂN THÁCH THỨC

Kinh tế của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh; tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây đã có dấu hiệu chậm lại. Vẫn

còn tình trạng xung đột phát triển giữa các ngành kinh tế trên cùng một địa bàn nhưng chưa được giải quyết triệt để. Sự phát triển một số ngành, lĩnh vực vẫn chủ yếu dựa trên cơ sở mở rộng quy mô, chưa chuyển dịch phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, bền vững.

Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển; cơ sở quan trắc, dự báo, cảnh báo biển, thiên tai biển; trung tâm tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn... ở ven biển chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn tới. Công tác phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ của một số ngành chức năng, địa phương còn thiếu sự chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, những khó khăn của kinh tế trong nước... đã tác động đến việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển KT - XH của tỉnh trong thời gian qua. Các quy định, chính sách về đất đai, đầu tư, chuyển đổi đất rừng và quy hoạch xây dựng chưa đồng bộ gây khó khăn trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư.

Khả năng dự báo tình hình kinh tế của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tỉnh chưa định hướng chính xác, có biện pháp ứng phó kịp thời với tình hình biến động nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu, kinh tế cả nước nói chung và kinh tế của tỉnh nói riêng. Công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, các dự án có trình độ công nghệ tiên tiến chưa nhiều; còn thiếu cơ chế, chính sách hiệu quả, hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn phát triển kinh tế biển ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong phát triển kinh tế biển như sau:

Một là, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để triển khai kịp thời cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Hai là, nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ của tỉnh; hoàn thành công tác thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; thực hiện tốt công tác giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhận chìm ở biển; xử lý kịp thời sự cố môi trường trên biển và vùng bờ, nhất là sự cố tràn dầu, hóa chất trên biển; giảm thiểu rác thải nhựa đại dương trên biển.



Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư các ngành kinh tế biển; cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động phát triển kinh tế biển. Đồng thời, xác định và triển khai lộ trình tăng trưởng kinh tế các-bon thấp nhờ chuyển giao công nghệ, sử dụng các cơ chế phát triển sạch, tìm kiếm tài trợ quốc tế cho các chương trình quản lý hiệu quả tài nguyên, BVMT và hải đảo trên địa bàn tỉnh.

Ba là, BVMT biển, ứng phó với BĐKH, nước biển dâng và bảo tồn, khai thác bền vững nguồn tài nguyên biển, đa dạng sinh học biển. Triển khai các giải pháp đồng bộ giảm mức độ dễ bị tổn thương của nền kinh tế biển trước các rủi ro và tác động của BĐKH; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của nền kinh tế, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gây ra; chung tay cùng cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

Chú trọng công tác bảo tồn kết hợp với việc phân bổ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên biển, bảo vệ môi trường biển; chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển, ven biển, đảo, đặc biệt là các rạn san hô; bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên mang tính cộng sinh giữa các hệ sinh thái đất liền và biển.

Quản lý nghiêm ngặt, giám sát, đánh giá thường xuyên, sử dụng công nghệ hiện đại để kịp thời nắm bắt nguy cơ ô nhiễm môi trường biển do hoạt động của các dự án đầu tư ven biển, trên biển thuộc tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn, kịp thời cảnh báo không để xảy ra các sự cố ô nhiễm môi trường; rà soát để giảm thiểu, tiến đến loại bỏ các nguồn gây ô nhiễm biển. Đầu tư các trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong việc theo dõi, giám sát và cảnh báo sớm về chất lượng môi trường biển.

Tăng cường năng lực xử lý và ứng phó hiệu quả với các sự cố môi trường biển. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng ô nhiễm biển do rác thải từ tất cả các nguồn, đặc biệt là rác thải nhựa; kiểm soát chặt chẽ nguồn nước đổ ra biển từ đất liền, sông, suối, nhất là nguồn nước thải từ các khu công nghiệp ven biển.

Bốn là, xây dựng và phát triển thương hiệu các ngành kinh tế biển của tỉnh nhằm gia tăng giá trị tài nguyên biển, thu hút nguồn lực khai thác bền vững, hiệu quả tiềm năng tài nguyên biển cũng như quảng bá hình ảnh biển, đảo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm là, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức, kết nối liên vùng và khu vực, hình thành hệ sinh thái logistics để cụm cảng Cái Mép - Thị Vải trở thành

cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế; nghiên cứu triển khai, thu hút đầu tư cảng tàu khách quốc tế chuyên biệt tạo động lực mới cho phát triển du lịch.

Thực hiện đô thị hóa vùng ven biển và hải đảo nhằm tạo động lực tăng trưởng mạnh và sức lan tỏa lớn đối với các vùng khác của tỉnh, cụ thể là xây dựng và phát triển đô thị Long Hải.

Sáu là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biển; ưu tiên nguồn lực trong việc đầu tư cho khoa học - công nghệ biển. Dành nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh cũng như tạo sự kết nối các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời, đầu tư cho việc bảo đảm nguồn điện cung cấp cho Côn Đảo để thúc đẩy phát triển KT - XH của huyện đảo.

6. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về biển, phát triển bền vững kinh tế biển, đề xuất, kiến nghị một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển và hải đảo và phát triển bền vững kinh tế biển.

Thứ hai, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý Nhà nước về biển và hải đảo trong tình hình mới.

Thứ ba, sớm ban hành Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của huyện Côn Đảo để có cơ sở giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên biển.

Thứ tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sớm phê duyệt ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý biển của chính quyền địa phương cũng như tạo hành lang pháp lý để kiểm soát hiệu quả việc quản lý, khai thác tài nguyên phục vụ cho phát triển bền vững kinh tế biển.

Thứ năm, ban hành Hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; hướng dẫn kỹ thuật phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; hướng dẫn điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do dầu tràn trong vùng biển Việt Nam.

Thứ sáu, Ban hành chính sách xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân (kể cả Việt Nam và nước ngoài) kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng, dịch vụ hàng hải... tham gia quản lý và bảo vệ môi trường; chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với doanh nghiệp cảng, chủ tàu áp dụng công nghệ sản xuất, kinh doanh xanh, sạch, ít chất thải ■